



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2668.1853>

XÂY DỰNG SẢN PHẨM HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 3 HỖ TRỢ GIÁO VIÊN DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC KHOA HỌC CHO HỌC SINH

Lê Thị Kim Ngọc, Nguyễn Minh Giang*, Cao Thị Trà Mi và Mai Thị Hồng Ánh

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: giangnm@hcmue.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 03/11/2025; Ngày duyệt đăng: 05/12/2025

Tóm tắt

Sử dụng sản phẩm học tập việc nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh là một cách tiếp cận hiệu quả đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Nghiên cứu này tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc vận dụng sản phẩm học tập trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất nguyên tắc, quy trình thiết kế sản phẩm học tập và xây dựng một số sản phẩm minh họa thuộc hai chủ đề: Cộng đồng địa phương; Trái Đất và bầu trời. Kết quả khảo nghiệm 46 giáo viên tiểu học tại một số trường ở Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đánh giá tính khả thi và hiệu quả của các sản phẩm được thiết kế cho thấy sản phẩm học tập có tính khoa học, phù hợp nội dung chương trình, khả năng ứng dụng cao và hỗ trợ tích cực trong đánh giá năng lực học sinh và đổi mới phương pháp dạy học. Nghiên cứu góp phần khẳng định vai trò của sản phẩm học tập trong đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học hiện nay.

Từ khóa: Dạy học, đánh giá, lớp 3, môn Tự nhiên và Xã hội, sản phẩm học tập.

Trích dẫn: Lê, T. K. N., Nguyễn, M. G., Cao, T. T. M., & Mai, T. A. H. (2026). Xây dựng sản phẩm học tập môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 hỗ trợ giáo viên dạy học phát triển năng lực khoa học cho học sinh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-15. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2668.1853>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

BUILDING LEARNING PRODUCTS TO SUPPORT TEACHERS IN TEACHING NATURAL AND SOCIAL SUBJECTS 3 TO DEVELOP SCIENTIFIC COMPETENCES FOR STUDENTS

Le Thi Kim Ngoc, Nguyen Minh Giang*, Cao Thi Tra Mi, and Mai Thi Hong Anh

Department of primary education, Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

**Corresponding author, Email: giangnm@hcmue.edu.vn*

Article history

Received: 13/9/2025; Received in revised form: 03/11/2025; Accepted: 05/12/2025

Abstract

On innovating teaching methods and assessment towards the development of students' competencies in the General Education Curriculum 2018, the use of learning products is considered an effective approach to promote students' activeness, autonomy, and creativity. This study analyzed the theoretical and practical foundations of applying learning products in teaching the subject Natural and Social Sciences for Grade3. Accordingly, the research team proposed principles and procedures for designing learning products and developed several illustrative examples within two themes: Local Community; The Earth and the Sky. Then, a trial was conducted with 46 primary school teachers at several schools in Ho Chi Minh City to evaluate the feasibility and effectiveness of the designed products. The results indicate that the learning products are scientifically sound, aligned with the curriculum content, highly applicable, and effectively support the assessment of students' competencies. The study contributes to affirming the role of learning products in innovating teaching methods in primary education today

Keywords: *Assessment, grade 3, learning product, Natural and Social subject, teaching.*

1. Đặt vấn đề

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 29-NQ/TW và Nghị quyết 88/2014/QH13, phương pháp dạy học đã có những thay đổi rõ rệt từ cách tiếp cận truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực ở người học (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013). Trong bối cảnh đó, việc sử dụng sản phẩm học tập (SPHT) được xem là phương pháp dạy học hiệu quả ở tiểu học. SPHT không những phản ánh quá trình học tập của học sinh (HS) mà còn là căn cứ giúp giáo viên (GV) đánh giá sự tiến bộ của HS, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển năng lực tự học, sáng tạo và hợp tác trong hoạt động học tập (Nguyễn, 2019; Trương, 2022; Monhartini & cs., 2021).

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội (2018) nhấn mạnh việc phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác và vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua các hoạt động học tập gắn với các SPHT. GV cần tổ chức cho HS tham gia tìm hiểu, điều tra, khám phá để tạo ra SPHT, đồng thời khuyến khích đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá. Khi được tham gia thiết kế và hoàn thiện sản phẩm, HS thể hiện rõ sự tiến bộ trong quá trình học tập (Phan, 2022). Ngoài ra, GV có thể đánh giá HS một cách bao quát cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ, những tình huống có thật trong học tập và đời sống thông qua các SPHT (Daniel & David, 2017). Khi có các tiêu chí đánh giá rõ ràng và đa dạng các loại SPHT sẽ hỗ trợ GV và HS theo dõi được sự tiến bộ của bản thân một cách hiệu quả và có giá trị (Deborah & Kimberly, 2006).

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định đánh giá HS Tiểu học (2020) thì phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS: GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung có liên quan. Như vậy, việc dạy học và đánh giá năng lực của HS đòi hỏi GV phải đầu tư xây dựng kế hoạch bài dạy với các hoạt động dạy học phù hợp và công cụ đánh giá chi tiết bám sát với yêu cầu cần đạt. Trong đó, GV phải xác định được các SPHT cụ thể mà HS sẽ thực hiện trong từng hoạt động để khi thiết kế kế hoạch bài dạy và kiểm tra đánh giá mới hiệu quả. Trong thực tế, GV còn gặp nhiều khó khăn khi hướng dẫn HS thiết kế và sử dụng SPHT để dạy học và đánh giá theo yêu cầu của đổi mới giáo dục. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ xây dựng nguyên tắc, quy trình xây dựng SPHT chung và minh họa việc thiết kế và sử dụng trong hai chủ đề Cộng đồng địa phương, Trái Đất và bầu trời của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 hỗ trợ GV thực hiện tổ chức dạy học và đánh giá một cách hiệu quả.

2. Một số khái niệm có liên quan

2.1. Sản phẩm học tập

Theo từ điển Tiếng Việt Hoàng Phê, khái niệm “sản phẩm” được giải thích là “cái do lao động con người tạo ra”, còn “học tập” là “học và luyện tập để hiểu biết, để có kỹ năng, có tri thức”. SPHT là kết quả của hoạt động học tập của HS, là bằng chứng của sự vận dụng kiến thức, kỹ năng mà HS đã có. Thông qua SPHT, GV đánh giá sự tiến bộ của HS, đánh giá quá trình tạo ra sản phẩm và đánh giá mức độ đạt được các năng lực của HS (Hoàng, 2003). Trong nghiên cứu này xác định: SPHT là toàn bộ những gì HS có thể tạo ra trong quá trình học tập và rèn luyện. Những sản phẩm ban đầu của HS chỉ làm theo yêu cầu của GV, nhưng sau đó HS có thể làm ra những sản phẩm tự sáng tạo dựa trên nền tảng kiến thức đã học.

2.2. Đánh giá và đánh giá học sinh tiểu học

Đánh giá là quá trình thu thập thông tin, chứng cứ về đối tượng được đánh giá và đưa ra những phán xét, nhận định về mức độ đạt được theo tiêu chí được đưa ra trong các tiêu chuẩn hay kết quả học tập. Đánh giá có thể là đánh giá định lượng hoặc đánh giá định tính (Trần, 2012).

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 27 về đánh giá HS tiểu học: “Quá trình thu

thập, xử lý thông tin qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

2.3. Dạy học và dạy học phát triển năng lực

Dạy học là: “Quá trình diễn ra ở những không gian xác định (trường học, nhà, các cơ sở xã hội khác), được phân chia theo những khoảng thời gian nào đó (một tiết học, một buổi học, một học kì, một năm học, một khóa học, một bậc học)” (Nguyễn, 2002). Dạy học theo định hướng phát triển năng lực là “việc tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao khả năng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các hành động học tập của người học, là sự lựa chọn phương thức giải quyết các vấn đề trong những tình huống khác nhau trên cơ sở hiểu biết và kinh nghiệm, cũng như sự sẵn sàng hoạt động, nhằm phát triển tối đa năng lực của người học, trong đó người học tự mình hoàn thành nhiệm vụ nhận thức dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người dạy” (Nguyễn, 2019).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Nghiên cứu tiến hành thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin để xây dựng cơ sở lý luận liên quan đến dạy học và đánh giá sử dụng SPHT của HS đáp ứng đổi mới dạy học và đánh giá trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 thông qua tài liệu, sách, bài báo khoa học,... về định hướng đổi mới dạy học và đánh giá phẩm chất và năng lực HS trong dạy học nói chung và trong môn Tự nhiên và Xã hội nói riêng.

3.2. Phương pháp khảo nghiệm

Để xác định sự phù hợp, tính khả thi và hiệu quả của các SPHT đã thiết kế trong hai chủ đề Cộng đồng địa phương, Trái Đất và bầu trời trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, nghiên cứu tiến hành khảo nghiệm 46 GV tiểu học đang dạy lớp 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó có 31 GV có kinh nghiệm dưới 5 năm, 9 GV có kinh nghiệm từ 5 đến 10 năm và 6 GV có kinh nghiệm trên 10 năm. Ý kiến của GV tiểu học được thu thập bằng cách cung cấp cho GV đường link về tất cả các SPHT đã thiết kế kèm hướng dẫn sử dụng. Sau khi GV nghiên cứu các SPHT sẽ trả lời các câu hỏi khảo sát qua Google Forms về mức độ cần thiết, đáp ứng, phù hợp và hiệu quả của các SPHT đã thiết kế.

3.3. Phương pháp xử lý số liệu

Để xử lý và phân tích kết quả định lượng, nghiên cứu tiến hành tính tỉ lệ phần trăm, tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) bằng phần mềm Microsoft Excel.

Thang đo được sử dụng là thang đo Likert với 5 mức độ. Quy ước ĐTB thành các mức độ ý kiến như sau: Từ 1,0 đến 1,8: Rất không cần thiết/ Rất không phù hợp/ Rất không đáp ứng; Từ trên 1,8 đến 2,6: Không cần thiết/ Không phù hợp/ Không đáp ứng; Từ trên 2,6 đến 3,4: Cần thiết/ Phù hợp/ Bình thường; Từ 3,4 đến 4,2: Khá cần thiết/ Khá phù hợp/ Đáp ứng tốt; Từ trên 4,2 đến 5,0: Rất cần thiết/ Rất phù hợp/ Đáp ứng rất tốt. ĐLC được sử dụng để đánh giá mức độ biến động về sự lựa chọn đáp án của GV. Với ĐLC càng lớn hơn 1 chỉ ra mức độ không tập trung/phân tán trong lựa chọn đáp án của GV cho cùng một câu hỏi và ngược lại.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Xây dựng sản phẩm học tập chủ đề Cộng đồng địa phương, Trái Đất và bầu trời, môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3

4.1.1. Nguyên tắc xây dựng

Nguyên tắc 1. Đảm bảo phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực theo yêu cầu cần đạt: khi thiết kế SPHT phải dựa trên các yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học được hình thành trong chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. SPHT phản ánh được quá trình phát triển của các thành phần năng lực khoa học gồm: Nhận thức khoa học; Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Thông qua SPHT, GV có thể theo dõi được sự phát triển các năng lực chung và phẩm chất theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Nguyên tắc 2. Đảm bảo tính khoa học và đa dạng trong dạy học: Khi thiết kế các SPHT cần phải căn cứ vào nội dung bài học và hoạt động dạy học phù hợp để đưa ra được nhiều sự lựa chọn khác nhau như hình ảnh, poster, phiếu học tập, các bài tập ngắn,...

Nguyên tắc 3. Đảm bảo được sử dụng trong nhiều hình thức đánh giá khác nhau và có thể lưu trữ theo hệ thống trong hồ sơ: SPHT hỗ trợ GV đưa ra những nhận xét thường xuyên và kịp thời giúp HS có thể điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp hơn. GV và HS dễ dàng lựa chọn được các SPHT để lưu vào hồ sơ học tập phục vụ cho quá trình đánh giá để ghi lại toàn bộ quá trình học tập của HS, bao gồm cả những khó khăn, cố gắng hay những sự cải thiện trong trình học của HS.

4.1.2. Các bước xây dựng

Xây dựng SPHT trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 dựa trên cơ sở lí luận đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và đánh giá được năng lực phát triển của HS. Nghiên cứu đề xuất quy trình xây dựng SPHT được kế thừa có chọn lọc từ nghiên cứu của (Hà & cs., 2024), nhấn mạnh vai trò điều phối của GV. GV tổ chức cho HS thiết kế, thực hiện và hoàn thiện sản phẩm theo các tiêu chí được GV triển khai trước đó. Đồng thời, đây cũng là công cụ hỗ trợ GV đánh giá năng lực HS thường xuyên và định kì qua việc thu thập, phản hồi và lưu trữ trong hồ sơ học tập. Các bước xây dựng SPHT như sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu học tập và sử dụng SPHT trong dạy học và đánh giá chủ đề Cộng đồng địa phương, Trái Đất và bầu trời trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3.

Bước 2. Lựa chọn loại SPHT phù hợp với phương pháp dạy học đáp ứng mục tiêu của hoạt động.

Bước 3. GV xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể (về nội dung, hình thức, tính sáng tạo và sự hợp tác) cho SPHT đã lựa chọn.

Bước 4. Triển khai dạy học, HS tiến hành làm sản phẩm theo các yêu cầu và tiêu chí đánh giá đã được thống nhất dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của GV.

Bước 5. Hoàn thiện, điều chỉnh và lưu vào hồ sơ học tập: GV thu thập các SPHT và tiến hành đánh giá. Căn cứ vào các SPHT của HS, GV tiến hành đánh giá năng lực của HS (tư duy, sáng tạo, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn). Đồng thời GV đưa ra các nhận xét, góp ý cụ thể để HS điều chỉnh và hoàn thiện SPHT. GV lựa chọn SPHT để lưu vào hồ sơ học tập phục vụ cho đánh giá quá trình và đánh giá định kì.

4.1.3. Sản phẩm học tập minh họa

Dựa trên các nguyên tắc và quy trình xây dựng SPHT trình bày ở trên, nghiên cứu đã thiết kế một số SPHT minh họa cho hai chủ đề Cộng đồng địa phương và Trái Đất và bầu trời môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Mỗi SPHT được xây dựng với mục tiêu cụ thể, nội dung phù hợp chương trình, có khả năng áp dụng trong dạy học và kiểm tra, đánh giá năng lực HS.

a. Flashcard về di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên ở địa phương em

Mục tiêu thiết kế: Giới thiệu được (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) một di tích lịch sử, văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương; Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan di tích văn hóa, lịch sử hoặc cảnh quan thiên nhiên.

Áp dụng vào bài học: Bài 10. Di tích lịch sử - văn hóa và cảnh quan thiên nhiên.

Hoạt động áp dụng (một hoặc kết hợp sử dụng trong nhiều hoạt động) như:

- Khởi động: GV gọi mở bằng hình ảnh một di tích nổi tiếng của địa phương.
- Luyện tập-thực hành: HS hoạt động nhóm, tự thiết kế ít nhất 03 flashcard giới thiệu di tích/cảnh quan đã chọn.
- Vận dụng: HS giới thiệu Flashcard trước lớp (kết hợp lời nói – hình ảnh).
- Đánh giá: Thông qua SPHT, GV lưu vào hồ sơ học tập, mỗi HS về nhà sưu tầm, thực hiện làm ít nhất 5 Flashcard.

Vật liệu thiết kế SPHT: Giấy bìa cứng hoặc giấy A5/A4, bút màu, bút dạ, kéo, hồ dán; ảnh in về di tích, cảnh quan (tự chụp hoặc sưu tầm trên mạng có nguồn gốc rõ ràng); mẫu khung thiết kế flashcard.

Tiêu chí đánh giá	Có	Không
Thiết kế được ít nhất 3 Flashcard, có thông tin chính xác, bố cục rõ ràng, hình ảnh thẩm mỹ		
Giới thiệu được ít nhất 3 di tích/cảnh quan (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) tại địa phương		
Tích cực, chủ động, trách nhiệm tìm hiểu và hứng thú thể hiện tình yêu quê hương		



Hình 1. Flashcard về di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên ở địa phương em

b. Flashcard hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp, thủ công) ở địa phương

Mục tiêu thiết kế: Kể được tên, sản phẩm và ích lợi của một số hoạt động sản xuất ở địa phương; Trình bày, giới thiệu được một trong số các sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được.

Áp dụng vào bài học: Bài 11. Hoạt động sản xuất ở địa phương em.

Hoạt động áp dụng:

- Luyện tập - Thực hành: Mỗi nhóm chọn 1 lĩnh vực sản xuất: nông nghiệp, công nghiệp, thủ công. Thiết kế ít nhất 05 Flashcard: minh họa sản phẩm và nghề sản xuất trong lĩnh vực sản xuất nhóm chọn; Sơ đồ tư duy: trình bày, giới thiệu được một trong số các sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được.

- Vận dụng: Các nhóm giới thiệu sản phẩm và đánh giá chéo lẫn nhau.

Vật liệu thiết kế SPHT: Giấy A4, giấy bìa hoặc bảng A3; Bút màu, hình ảnh minh họa sản phẩm (in hoặc vẽ); Vật thật nhỏ (gạo, cà phê, tơ lụa, ảnh đồ gốm,...)

Tiêu chí đánh giá	Có	Không
Tính chính xác về tên, sản phẩm và ích lợi của một số hoạt động sản xuất trong thiết kế Flashcard		
Sưu tầm được thông tin, tranh ảnh, vật thật về một số các sản phẩm của địa phương		
Tính logic, bố cục rõ ràng, màu sắc hài hòa khi thiết kế sơ đồ tư duy trình bày, giới thiệu một trong số các sản phẩm của địa phương		
Sáng tạo trong thiết kế Flashcard, sơ đồ tư duy		
Giới thiệu và thuyết trình sản phẩm rõ ràng, tự tin		



Hình 2. Flashcard hoạt động sản xuất ở địa phương

c. Phiếu học tập về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường

Mục tiêu thiết kế: Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để chia sẻ với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường.

Áp dụng vào bài học: Bài 12. Tiêu dùng tiết kiệm và bảo vệ môi trường.

Hoạt động áp dụng: Vận dụng, HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường. Sau đó, HS làm việc nhóm đôi chia sẻ về sự cần thiết tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường.

Tiêu chí đánh giá	Có	Không
Phiếu học tập thể hiện được các hành vi tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường		
Chia sẻ với bạn về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường		
Nhận xét và góp ý cho bài của bạn		



Hình 3. Phiếu học tập về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường

d. Phiếu học tập về cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu

Mục tiêu thiết kế: Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu.

Áp dụng vào bài học: Bài 27. Quả địa cầu - Mô hình thu nhỏ của Trái Đất.

Hoạt động áp dụng:

- Luyện tập - thực hành: Sau khi quan sát quả địa cầu, HS thực hiện phiếu học tập theo cá nhân và nêu tên của cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu. GV mời 3-4 HS trình bày lại và chỉ ra được trên hình quả địa cầu.

Tiêu chí đánh giá	Có	Không
Viết đúng tên của cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu vào phiếu học tập.		
Chỉ ra được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên mô hình quả địa cầu		



Hình 3. Phiếu học tập về cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu

e. Mô hình Trái Đất trong hệ Mặt Trời

Mục tiêu thiết kế: Chỉ và nói được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt trời

Áp dụng vào bài học: Bài 28. Trái Đất trong hệ Mặt Trời

Hoạt động áp dụng:

- Luyện tập - thực hành: HS làm việc nhóm: vẽ bản thiết kế cho mô hình Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

- Vận dụng: HS làm việc nhóm: tiến hành làm sản phẩm theo bản thiết kế của nhóm. Sau khi làm xong, nhóm HS nhận biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời và các mối liên hệ giữa các hành tinh thông qua SPHT nhóm thực hiện.

Vật liệu thiết kế SPHT: Bia cứng, giấy màu, đất sét khô, keo, kéo, màu sáp.

Tiêu chí đánh giá	Có	Không
Sắp xếp được đúng thứ tự các hành tinh trong hệ Mặt Trời		
Chỉ ra được vị trí của Trái đất trong hệ Mặt Trời		
Thành viên nhóm tham gia tích cực		



Hình 4. Mô hình Trái Đất trong hệ Mặt Trời

f. Lapbook về các dạng địa hình

Mục tiêu thiết kế: Nêu được một số dạng địa hình của Trái Đất: đồng bằng, đồi, núi, cao nguyên, sông, hồ, biển, đại dương dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video; Xác định được nơi HS đang sinh sống thuộc dạng địa hình nào.

Áp dụng vào bài học: Bài 29 – Bề mặt Trái Đất

Vật liệu thiết kế SPHT: Giấy màu, kéo, keo, bút, hình ảnh in hoặc nhãn dán.

Tiêu chí đánh giá	Có	Không
Nội dung chính xác thể hiện đúng các dạng địa hình và có liên hệ thực tế		
Bố cục trình bày rõ ràng, khoa học, dễ quan sát		
Hình thức sinh động, sử dụng màu sắc và hình ảnh phù hợp, hấp dẫn		



Hình 5. Lapbook về các dạng địa hình

g. Mô hình hiện tượng ngày và đêm

Mục tiêu thiết kế: Chỉ và trình bày được chiều chuyển động của Trái Đất quanh nó và quanh Mặt Trời trên sơ đồ và (hoặc) mô hình; Giải thích được ở mức độ đơn giản hiện tượng ngày và đêm, qua sử dụng mô hình hoặc video.

Áp dụng vào bài học: Bài 28. Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

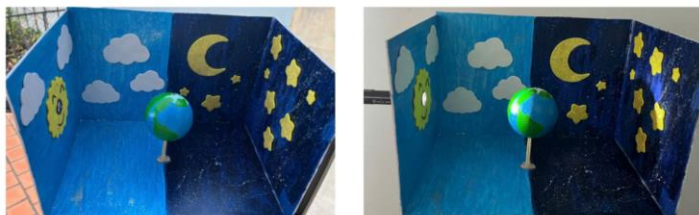
Hoạt động dạy học minh họa:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới mở bằng câu hỏi: “Vì sao cùng một thời điểm, có nơi là ban ngày còn nơi khác là ban đêm?”, để dẫn dắt vào hoạt động.	Nêu câu trả lời từ vốn hiểu biết của mình.
Giới thiệu mô hình mẫu, minh họa bằng đèn pin chiếu vào quả cầu; hướng dẫn cách xác định phần sáng – phần tối (hiện tượng ngày đêm) của Trái Đất.	Làm việc theo nhóm: thảo luận, phân công nhiệm vụ, chuẩn bị vật liệu chế tạo mô hình.
Quan sát, hỗ trợ, gợi ý cách gắn trục quay cho các nhóm, định hướng phần chiếu sáng của Mặt Trời.	Tiến hành lắp ráp mô hình; điều chỉnh đèn chiếu sáng, chú thích, mô tả hiện tượng ngày – đêm.
Mời các nhóm trình bày, điều phối hoạt động phản biện chéo.	Các nhóm HS trình bày mô hình, giải thích cơ chế ngày - đêm, phản biện chéo giữa các nhóm.
GV nhận xét, bổ sung, tổng kết kiến thức: “Trái đất có dạng hình cầu nên chỉ được mặt trời chiếu sáng một nửa. Một nửa được chiếu sáng gọi là ban ngày và một nửa không được chiếu sáng gọi là ban đêm”.	Các nhóm lắng nghe góp ý, điều chỉnh nếu có để hoàn thiện mô hình.

Vật liệu thiết kế SPHT: Quả bóng xốp, đèn pin, ống hút, bìa cứng, băng keo.

Tiêu chí đánh giá	Có	Không
Mô hình thể hiện được chiều chuyển động của Trái Đất quanh nó và quanh Mặt Trời		
Mô hình thể hiện được rõ ngày và đêm		

Giải thích được hiện tượng ngày và đêm



Hình 6. Mô hình hiện tượng ngày và đêm

4.2. Khảo nghiệm các sản phẩm học tập đã thiết kế

Nghiên cứu tiến hành khảo nghiệm 46 GV đang dạy lớp 3 về SPHT của hai chủ đề là: Cộng đồng địa phương, Trái Đất và bầu trời, môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Kết quả khảo nghiệm như sau:

4.2.1. Mức độ cần thiết của sản phẩm học tập

Khảo sát mức độ cần thiết sử dụng SPHT đã thiết kế, nghiên cứu thu được kết quả trong bảng 1.

Bảng 1. Mức độ cần thiết của sản phẩm học tập

Mức độ cần thiết	Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Rất không cần thiết	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	29	15	2	0	0	4,59	0,580
Tỉ lệ %	63	32,6	4,3	0	0		

Kết quả trong bảng 1 cho thấy GV nhận định SPHT chủ đề Cộng đồng địa phương, Trái Đất và bầu trời đã thiết kế ở mức “rất cần thiết” với ĐTB rất cao 4,59 và ĐLC khá thấp là 0,580. Có 95,6% GV nhận định SPHT của hai chủ đề đạt ở mức “rất cần thiết” (63%) và mức “cần thiết” (2,6%). Chỉ có một tỉ lệ rất nhỏ (4,3%) cho rằng “bình thường” và hoàn toàn không có ý kiến nào cho rằng “không cần thiết” hay “rất không cần thiết”. Điều này phản ánh sự đồng thuận cao của GV trong việc công nhận tầm quan trọng của SPHT đã thiết kế đối với việc phát triển NL và phẩm chất của HS tiểu học.

4.2.2. Nội dung các sản phẩm đáp ứng được yêu cầu cần đạt của chương trình

Khảo sát nội dung của sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, nghiên cứu thu được kết quả trong bảng 2.

Bảng 2. Nội dung các sản phẩm học tập đáp ứng được yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3

Mức độ đáp ứng	Đáp ứng rất tốt	Đáp ứng tốt	Bình thường	Không đáp ứng	Rất không đáp ứng	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	15	27	3	1	0	4,22	0,664
Tỉ lệ %	32,6	58,7	6,5	2,2	0		

Kết quả khảo sát trong Bảng 2 cho thấy nội dung các SPHT đáp ứng được yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 với ĐTB cao là 4,22 và ĐLC thấp là 0,664. Có 58,7% GV đánh giá ở mức “đáp ứng tốt” và 32,6% đánh giá “đáp ứng rất tốt”, tổng cộng chiếm đến 91,3%. Chỉ có một tỉ lệ nhỏ (6,5%) đánh giá ở mức độ “bình thường” và rất ít GV (2,2%) đánh giá là “không đáp ứng”. Không có trường hợp nào đánh giá “rất không đáp ứng”, điều này phản ánh sự tin tưởng và ghi nhận của GV đối với chất lượng SPHT. Tuy nhiên, sự xuất hiện của 04 GV với ý kiến “bình thường” và “không đáp ứng” cho thấy vẫn còn một số điểm của SPHT cần cải thiện hoặc thay đổi để phù hợp với thực tiễn.

4.2.3. Mức độ phù hợp của các sản phẩm học tập với phương pháp dạy học

Khảo sát mức độ phù hợp của các SPHT với phương pháp dạy học của GV, nghiên cứu thu được kết quả trong bảng 3.

Bảng 3. Mức độ phù hợp của các sản phẩm học tập với phương pháp dạy học

Mức độ phù hợp	Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Rất không phù hợp	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	15	29	2	0	0	4,28	0,544
Tỉ lệ %	32,6	63	4,3	0	0		

Kết quả của bảng khảo sát 3 thể hiện chiều hướng tích cực trong nhận định sự phù hợp của SPHT trong dạy học, được GV đánh giá ở mức “rất phù hợp” và “phù hợp” với ĐTB cao là 4,28 và ĐLC khá tập trung là 0,544. 63% GV đánh giá mức độ “phù hợp” của các SPHT đối với phương pháp dạy học ở mức độ cao và 32,6% GV đánh giá là “rất phù hợp”, mức độ “bình thường” chiếm tỉ lệ thấp (4,3%) và không GV nào đánh giá SPHT ở mức độ “không phù hợp” và “rất không phù hợp”. Kết quả này khá hợp lí vì trong thực tế GV đã thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học, luôn gắn lí thuyết với thực hành để HS có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tế cuộc sống theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Như vậy, với kết quả bảng 3, SPHT đáp ứng khá tốt các đổi mới định hướng và phương pháp dạy học trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3.

4.2.4. Mức độ phù hợp của sản phẩm học tập với khả năng vận dụng vào thực tiễn của học sinh

Khảo sát mức độ phù hợp của các SPHT với khả năng vận dụng vào thực tiễn của HS, nghiên cứu thu được kết quả trong Bảng 4.

Bảng 4. Mức độ phù hợp của sản phẩm học tập với khả năng vận dụng vào thực tiễn của học sinh

Mức độ phù hợp	Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Rất không phù hợp	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	13	29	4	0	0	4,20	0,582
Tỉ lệ %	28,3	63	8,7	0	0		

Kết quả khảo sát bảng 4 cho thấy phần lớn GV đánh giá khả năng vận dụng thực tiễn của HS thông SPHT là “phù hợp” (63%) và “rất phù hợp” (28,3%) với ĐTB khá cao là 4,2 và ĐLC khá thấp là 0,582. Điều này cho thấy đa số GV tin tưởng rằng các SPHT được thiết kế có tính ứng dụng cao trong đời sống thực tế của HS. Không có GV chọn phương án “không phù hợp” và “rất không phù hợp”. Tuy nhiên, vẫn còn 8,7% GV đánh giá ở mức “bình thường” cho thấy vẫn còn những SPHT cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế dạy học ở các

trường tiểu học khác nhau. Kết quả này cũng chỉ ra việc xây dựng các SPHT ngoài đáp ứng yêu cầu cần đạt trong dạy học và đánh giá cũng cần quan tâm đến điều kiện thực tiễn của địa phương để phù hợp với đối tượng HS.

4.2.5. Mức độ hiệu quả của việc sử dụng sản phẩm học tập để dạy học phát triển các thành phần năng lực khoa học

Khảo sát mức độ hiệu quả của việc sử dụng SPHT để dạy học phát triển các thành phần năng lực khoa học, nghiên cứu thu được kết quả trong bảng 5.

Bảng 5. Mức độ hiệu quả của việc sử dụng sản phẩm học tập dạy học phát triển các thành phần năng lực khoa học

Mức độ hiệu quả	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả	Rất không hiệu quả	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	21	22	3	0	0	4,39	0,614
Tỉ lệ %	45,7	47,8	6,5	0	0		

Kết quả khảo sát Bảng 5 cho thấy tỉ lệ 93,5% trong đó có 44,4% GV đánh giá mức độ “rất hiệu quả” và “hiệu quả” là 47,8% với ĐTB khá cao là 4,39 và ĐLC thấp là 0,614. Tỉ lệ 6,5% GV đánh giá ở mức “bình thường” và không có GV nào đánh giá ở mức “không hiệu quả” và “rất không hiệu quả”. Từ tỉ lệ đó có thể thấy được, các SPHT đã thiết kế bám sát với yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học và hướng dẫn sử dụng phương pháp dạy học phát triển năng lực khoa học cho HS. Với 3 GV chọn đánh giá hiệu quả ở mức “bình thường” có thể do các SPHT này chưa thực sự phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức cho HS thực hiện. Với kết quả này, nghiên cứu cần đưa ra các khuyến nghị và hướng dẫn để phù hợp với thực tế triển khai của GV.

4.2.6. Mức độ hiệu quả của việc sử dụng sản phẩm học tập để đánh giá năng lực của học sinh

Khảo sát mức độ hiệu quả của việc sử dụng SPHT để đánh giá năng lực của HS, nghiên cứu thu được kết quả trong Bảng 6.

Bảng 6. Mức độ hiệu quả của việc sử dụng sản phẩm học tập để đánh giá năng lực học sinh

Mức độ hiệu quả	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả	Rất không hiệu quả	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	16	25	5	0	0	4,24	0,639
Tỉ lệ %	34,8	54,3	10,9	0	0		

Kết quả khảo sát trong bảng 6 cho thấy tỉ lệ 89,1% GV đánh giá mức độ hiệu quả của việc sử dụng SPHT để đánh giá năng lực của HS là “rất hiệu quả” (34,8%) và “hiệu quả” (54,3%) với ĐTB cao là 4,25 và ĐLC khá thấp là 0,639. Có 05 GV chọn mức độ “bình thường” và không có GV nào lựa chọn mức độ “không hiệu quả” và “rất không hiệu quả”. Điều này cho thấy đa số GV đánh giá cao về mức độ hiệu quả của việc sử dụng SPHT trong đánh giá năng lực của HS. Với 5 GV chọn mức “bình thường” có thể xuất phát từ việc GV chưa sẵn sàng và chưa thực sự triển khai đánh giá thông qua SPHT của HS trong thực tiễn. Từ kết quả khảo sát tích cực trên, các SPHT bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu về tư liệu hỗ trợ đánh giá trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 một cách hiệu quả

5. Kết luận

Dạy học thông qua SPHT tạo điều kiện cho HS phát triển tư duy. GV nhận diện được sự tiến bộ, điểm mạnh của HS cũng như điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp hơn. Vì vậy, phương pháp dạy học thông qua SPHT là hướng tiếp cận cần thiết và hiệu quả trong giáo dục hiện nay. Nghiên cứu đã thiết kế được 7 loại SPHT cho hai chủ đề trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 hỗ trợ GV dạy học và đánh giá năng lực của HS. Kết quả khảo nghiệm 46 GV ở một số trường tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, GV đánh giá khá cao về tính cần thiết, khoa học, phù hợp và khả thi của các SPHT đã xây dựng.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết 29-NQ/TW về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đã được Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) thông qua.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT: Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (n.d.). *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 - Bộ sách Chân trời sáng tạo.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bui, P., & Luong, V. (2019). *Tài liệu tìm hiểu chương trình môn Tự nhiên và Xã hội (trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018).* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Hà Nội.
- Daniel, R. M., & David, H. A. (2017). The challenges of competence-based assessment in the educational field. *University of Santiago, Chile, 43(4), 1073-1086.* Retrieved from <https://www.scielo.br/j/ep/a/pLbYMry5gHGZ3mvSSqX9kMj/?lang=es>
- Deborah, A., & Kimberly, T. (2006). Feature Approaches to Biology Teaching and Learning. Rubrics: Tools for Making Learning Goals and Evaluation Criteria Explicit for Both Teachers and Learners. *Life Sciences Education, 5(3), 197-203.* Retrieved from <https://www.lifescied.org/doi/10.1187/cbe.06-06-0168>
- Dương, H. (2020). Chương trình các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học trong các chương trình giáo dục phổ thông mới. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 10(1), 21-23.*
- H., N. V. (2002). *Lý luận dạy học.* Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Hà, T. L. H & cs. (2024). Xây dựng công cụ đánh giá năng lực khoa học cho học sinh lớp 3 trong dạy học chủ đề Trái Đất Và bầu trời. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 69(1), 98-110.* doi:10.18173/2354-1075.2024-0010
- Hoàng, P. (2003). *Từ điển Tiếng Việt.* NXB Đà Nẵng.
- Jonathan, O., & Justin, D. (2008). *Science education in Europe: Critical Reflections.* London: Nuffield Foundation.
- Monhartini et al. (2021). Literature Study: Effect of Jigsaw Assisted with Mind Map on Students Learning Competencies. *Bioedukasi Jurnal Oendidiilan Biologi 14(1):35.* doi:10.20961/bioedukasi-uns.v14i1.43749
- Nguyễn, T. S. (2019). *Một số kinh nghiệm tổ chức hoạt động học cho học sinh trung học thông qua các hoạt động trải nghiệm trong môn Vật lí.* Truy cập từ <https://moet.gov.vn/>

giaoducquocdan/giao-duc-trung-hoc/Pages/Default.aspx?ItemID=6228&utm_source=chatgpt.com

- Nguyễn, T. T. (2019). Tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên sư phạm trong đổi mới giáo dục hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 7(21), 34-38.
- Phan, T. X. (2022). Xây dựng hồ sơ học tập để đánh giá năng lực học sinh trong môn Ngữ văn. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(2). doi:<https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210205>
- Trần, K. Đ. (2012). *Đo lường và đánh giá trong giáo dục*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trương, Q. H. (2022). Xây dựng hồ sơ học tập trong đánh giá học sinh tiểu học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(8). doi:<http://doi.org/10.15625/2615-8957/12210809>